

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I – NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ- Lớp 6

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	
1	TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	1. Lịch sử là gì?	2			5% 0,5
		2. Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?	2*			2,5% 0,25
		3. Thời gian trong lịch sử.	2*		1	7,5% 0,75
2	THỜI NGUYÊN THỦY	1. Nguồn gốc loài người	2		1	15% 1,5
		2. Xã hội nguyên thủy	2	1		20% 2
Số câu/ loại câu			8TN	1TL	2TL	8TN, 3TL
Tỉ lệ %,			20%	15%	15%	50%

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết TNKQ	Thông hiểu TL	Vận dụng TL	

Phân môn Địa lí						
1	BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT ĐĐ	- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. - Các yếu tố cơ bản của bản đồ. + Toạ độ địa lí. + Phương hướng trên bản đồ. - Các loại bản đồ thông dụng - Lược đồ trí nhớ	1		1	20% 2,0 điểm
2	TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI	- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Hình dạng, kích thước Trái Đất - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí. + Giờ trên Trái Đất. + Ngày đêm luân phiên nhau + Ngày đêm dài ngắn theo mùa.	3	1* 1* 1*		30% 3,0 điểm
Số câu/ loại câu			4 TN	1 TL	1TL	6TN- TL
Tỉ lệ			20%	15%	15%	50%
Tổng hợp chung			4TN 40%	2TL 30%	3TL 30%	100 %

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I – NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ, LỚP 6
PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
01	TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	1. Lịch sử là gì?	Nhận biết - Nêu được khái niệm lịch sử - Nêu được khái niệm môn Lịch sử	2		
		2. Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?	Nhận biết - Các nguồn sử liệu cơ bản (hiện vật, chữ viết, truyền miệng, bản gốc...).	2*		
		3. Thời gian trong lịch sử	Nhận biết Nêu được một số khái niệm thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...	2*		

			Vận dụng - Tính được thời gian trong lịch sử (thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...).			1
02	THỜI NGUYÊN THUỶ	1. Nguồn gốc loài người	Nhận biết – Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam.	2		
			Thông hiểu – Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.			
			Vận dụng – Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á			1
		2. Xã hội nguyên thuỷ	Nhận biết – Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) trên Trái đất. – Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam	2		

			Thông hiểu – Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. – Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người		1	
Số câu/ loại câu				8 TN	1 TL	2 TL
Tỉ lệ %				20%	15%	15%

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Phân môn Địa lí						
1	BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản của	Nhận biết - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. - Đọc được các kí hiệu trên bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. Thông hiểu - Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên	1		1

		bản đồ. - Các loại bản đồ thông dụng - Lược đồ trí nhớ	bản đồ. Vận dụng - Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. - Xác định được hướng trên bản đồ.			
2	TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI	- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Hình dạng, kích thước Trái Đất - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	Nhận biết - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. - Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời. Thông hiểu - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau - Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.	3	1* 1* 1*	
Số câu/ loại câu				4 TN	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20%	15%	15%
Tổng hợp chung				12TN 40%	2TL 30%	3TL 30%

Phê duyệt của
P. HIỆU TRƯỞNG

Phê duyệt của
TỔ TRƯỞNG

Phê duyệt của
NHÓM TRƯỞNG

THÀNH VIÊN

Bùi Ngọc Lai

Trần Văn Biên

Trần Văn Biên

Trần Đức Phùng

Trường TH &THCS Nguyễn Du Họ và tên:..... Lớp 6/	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 - 2025 PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6
Thời gian làm bài: 45 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i>	
ĐIỂM:	NHẬN XÉT CỦA THẦY/CÔ:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

1. Khoanh tròn chữ cái đứng trước ý trả lời đúng nhất của các câu sau.

Câu 1. Lịch sử được hiểu là

- A. các bản ghi chép hay tranh ảnh còn được lưu giữ lại.
- B. những câu chuyện cổ tích được kể truyền miệng.
- C. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.
- D. sự tưởng tượng của con người về quá khứ của mình.

Câu 2: Khoa học lịch sử là một ngành khoa học nghiên cứu về

- A. quá trình hình thành và phát triển của Trái Đất.
- B. các thiên thể trong vũ trụ.
- C. quá trình hình thành và phát triển của loài người và xã hội loài người.
- D. sinh vật và động vật trên Trái Đất.

Câu 3. Tư liệu hiện vật là

- A. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.
- B. bản ghi chép, nhật kí của các nhà thám hiểm.
- C. những bản ghi, sách được in, vở chép tay từ quá khứ còn được lưu lại đến ngày nay.
- D. di tích, đồ vật của người xưa còn được giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.

Câu 4. Dương lịch là hệ lịch được tính theo

- A. sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất.
- B. chu kì chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- C. chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Mặt Trời.
- D. chu kì chuyển động của Trái Đất quanh trục của nó.

Câu 5. Loài người là kết quả của quá trình tiến hóa từ

- A. Vượn.
- B. Vượn người.
- C. Người tối cổ.
- D. Người tinh khôn

Câu 6: Tổ chức xã hội đầu tiên của loài người là

- A. bầy, đàn.
- B. thị tộc.
- C. làng xã.
- D. bộ lạc

Câu 7. Răng của người tối cổ được phát hiện ở địa điểm nào trên đất nước Việt Nam?

- A. An Khê (Gia Lai).
- B. Núi Đọ (Thanh Hoá).
- C. Xuân Lộc (Đồng Nai).
- D. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn).

Câu 8. Công xã thị tộc được hình thành từ khi nào?

- A. Từ khi người tinh khôn xuất hiện.
- B. Từ khi nhà nước ra đời.
- C. Từ thời vượn người.
- D. Từ khi người tối cổ xuất hiện.

Câu 9. Trái Đất nằm ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

- A. Thứ hai. B. Thứ ba. C. Thứ tư. D. Thứ năm.

Câu 10. Trái Đất có dạng hình

- A. cầu. B. tròn. C. e-lip. D. vuông.

2. Em hãy ghép các ý ở cột A (Kinh, vĩ tuyến) với các ý cột B (Khái niệm) sao cho đúng, bằng cách ghi kết quả vào cột C. (Mỗi ý đúng 0.25 đ)

Cột A (Kinh, vĩ tuyến)	Cột B (Khái niệm)	C (Kết quả)
1. Kinh tuyến	A. đi qua Đài thiên văn Grin-uých thành phố Luân Đôn nước Anh.	1 +
2. Kinh tuyến gốc	B. là nửa đường tròn nối liền hai cực trên bề mặt quả Địa Cầu	2 +
3. Vĩ tuyến	C. là đường Xích đạo.	3 +
4. Vĩ tuyến gốc	D. là vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu và vuông góc với các kinh tuyến.	4 +

3. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ sau đây điền vào chỗ trống (...) sao cho đúng: bán kính Xích đạo; 510 triệu km^2 ; 510 km. (Mỗi ý đúng 0.25 đ)

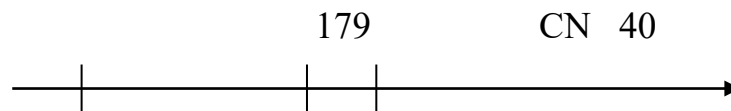
- a) Trái Đất có là 6378 km
b) Diện tích bề mặt Trái Đất là

II. TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào? Đời sống vật chất và tinh thần của xã hội nguyên thủy?

Câu 2. (1 điểm). Chứng minh ở Đông Nam Á đã diễn ra quá trình tiến hóa từ vượn thành người?

Câu 3: (0,5 điểm). Hãy xác định trên trục thời gian

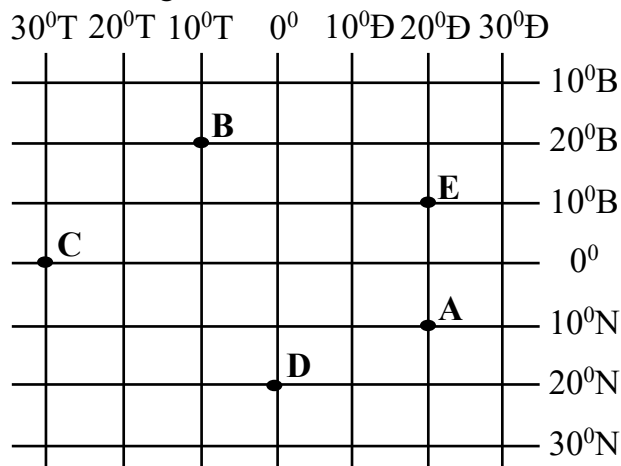


- Từ năm 179TCN đến CN bao nhiêu năm?
- Từ năm 40 đến nay (2024) bao nhiêu năm?

Câu 4. (1.5 điểm) Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất?

Câu 5. (1.5 điểm)

- a) (1.0 điểm) Hãy xác định và ghi lại tọa độ địa lí của các điểm B, C



- b) (0.5 điểm) Cho biết hướng từ điểm B đến điểm C là hướng gì?

---Hết---

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4.0 điểm). Đúng mỗi câu ghi 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	C	D	B	B	A	D	A	B	A

2. Ghép đôi: (1 điểm). Đúng mỗi ý ghi 0.25đ

Đáp án	1 + B	2 + A	3 + D	4 + C
--------	-------	-------	-------	-------

3. Điền khuyết: 0,5 điểm). Đúng mỗi ý đúng ghi 0.25đ

- a) bán kính Xích đạo
b) 510 triệu km²

II. TỰ LUẬN: 6.0 điểm

Câu 1: (1,5 điểm) Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào? Đời sống vật chất và tinh thần của xã hội nguyên thủy?

- Xã hội nguyên thủy trải qua 2 giai đoạn: Bầy người nguyên thủy (Người tối cổ) và công xã thị tộc (Người tinh khôn). 0,5 điểm)

* **Bầy người nguyên thủy.**

- Đời sống vật chất: dựa vào săn bắt, hái lượm, biết chế tạo công cụ lao động bằng đá, được ghè đẽo thô sơ biết tạo ra lửa. Sống trong hang động. (0,25 điểm)

- Đời sống tinh thần: biết làm đồ trang sức, vẽ tranh trên vách đá. (0,25 điểm)

* **Công xã thị tộc.**

- Đời sống vật chất: biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm đồ gốm. (0,25 điểm)

- Đời sống tinh thần: Biết làm đồ trang sức tinh tế hơn, sáng tạo nghệ thuật. (0,25 điểm)

Câu 2. (1 điểm). Chứng minh ở Đông Nam Á đã diễn ra quá trình tiến hóa từ vượn thành người?

- Dấu tích Vượn người tìm thấy ở Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a. (0,5 điểm)

- Dấu tích Người tối cổ tìm thấy ở Mi-an-ma, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a... (0,5 điểm).

Câu 3, (0,5 điểm)

- Từ năm 179 TCN đến công nguyên là 179 năm.

- Từ năm 40 đến nay (2024) là 1984 năm.

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 4 1.5 điểm	Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất.	1.5
	- Do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời chỉ chiếu sáng được một nửa.	0.5
	- Nửa được chiếu sáng sẽ là ban ngày, còn nửa không được chiếu sáng sẽ là ban đêm.	0.5
	- Do Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục theo hướng từ tây sang đông nên ở khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm luân phiên nhau.	0.5
Câu 5 1.5 điểm	a) Tọa độ địa lí tại các điểm	1.0
	B (20°B, 10°T)	0.5

	C (0°, 30°T)	0.5
	b) Hướng từ điểm B đến điểm C : tây nam.	0.5

Phê duyệt của
P. HIỆU TRƯỞNG

Phê duyệt của
TỔ TRƯỞNG

Phê duyệt của
NHÓM TRƯỞNG

GIÁO VIÊN RA ĐỀ

Bùi Ngọc Lai

Trần Văn Biên

Trần Văn Biên

Trần Đức Phùng